

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **371/2022/HC-PT**
Ngày: 27 - 8 - 2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;
Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 92/2022/TLPT-HC ngày 26 tháng 3 năm 2022 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính”.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7725/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Văn K, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Tạ Huy H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Phan Ngọc Q, Văn phòng luật sư Q1, thuộc Đoàn luật sư TP Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Tất L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Hòa Bình:

+ Ông Nguyễn Văn S, Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Hoà Bình; có mặt.

+ Ông Nguyễn Phương Đ, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hoà Bình; có mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2; Địa chỉ: Thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn H1 - Phó Chủ tịch huyện T2, tỉnh Hòa Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của CT UBND huyện T2: Ông Trần Dũng T3 - Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Dũng T3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ: Số nhà 66, tổ 11, phường T4, thành phố T5, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Tất L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Hoà Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn H1 - Phó Chủ tịch huyện T2, tỉnh Hòa Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện T2, tỉnh Hòa Bình; địa chỉ: Thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Hòa Bình;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đình N1 - Phó Chủ tịch Hội đồng; có mặt.

3.4. Công ty TNHH một thành viên NT 2/9 HB; Địa chỉ: Thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Hòa Bình; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.5. Bà Lê Thị M, anh Trần Văn M1 và chị Trần Thị H2; Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, anh M1, chị H2: Ông Tạ Huy H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 của ông Trần Văn K và quá

trình tham gia tố tụng, người khởi kiện trình bày:

Ngày 20/10/2008, gia đình ông Trần Văn K và NT 2/9 HB (nay là Công ty TNHH MTV 2/9 HB) ký hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, diện tích đất giao khoán là 6.000m² mục đích sử dụng trồng cây hàng năm, thời gian giao khoán là 20 năm đối với đất trồng cây hàng năm.

Ngày 29/6/2011, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T2 đã ban hành Thông báo số 147/TB-UBND thông báo thu hồi đất thực hiện xây dựng Khu công nghiệp LT, huyện T2. Trong đó diện tích đất bị ảnh hưởng là 113,7 ha (gồm 2 khu đất diện tích 36,3 ha và khu 77,40 ha) đất do Công ty TNHH MTV 2/9 HB quản lý đã giao khoán cho các hộ.

Năm 2011, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện T2 lập Biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất. Tại biên bản kiểm đếm ngày 14/9/2011, diện tích đất gia đình ông bị thu hồi là 8.091,5m²; Tài sản bị thu hồi trên đất là các cây như sắn, cây na dai mới trồng (2348 cây), hàng rào cây xanh các loại và một số cây nông nghiệp khác.

Ngày 11/9/2012, UBND tỉnh Hòa Bình đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với khu đất diện tích 36,30 ha, tại Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 11/9/2012. Đối với phần diện tích 77,4 ha đất đã kiểm đếm năm 2011, nhưng chưa công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và chưa thực hiện phê duyệt phương án bồi thường.

Ngày 23/12/2016, UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng dự án: Xây dựng Khu công nghiệp LT và Quyết định số 2732/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với khu đất 77,4 ha.

Tại biểu chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư khu công nghiệp LT (khu đất 77,4 ha và theo biên bản chi trả tiền ngày 11/02/2018) hộ ông có diện tích đất bị thu hồi là 9.430,4m², đơn giá bồi thường là 50.000đ/m²; 2.348 cây na dai mới trồng, đơn giá bồi thường 5.000đ/cây và một số cây nông nghiệp khác. Hỗ trợ ổn định đời sống trong 12 tháng; hỗ trợ ổn định sản xuất là 10%; Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm là 1 lần giá đất nông nghiệp. Tổng số tiền được nhận là 2.409.716.540đ. Ngày 11/02/2018, gia đình ông đã nhận 2.145.000.000đ tiền bồi thường.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện, ông

Trần Văn K có đơn khiếu nại, nội dung:

1. Đề nghị được bồi thường thiệt hại do Công ty TNHH MTV NT 2/9 vi phạm hợp đồng đã ký ngày 20/10/2008; được đền bù thời gian còn lại về đất khi Nhà nước thu hồi.

2. Việc cây na đã được kiểm đếm theo biên bản năm 2011 là 30.000đ/cây, năm 2016 bị áp giá theo cây trong vườn ươm là 5.000đ/ cây, đề nghị được áp giá theo thời điểm năm 2014 với giá 43.000đ/cây.

3. Việc tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với mức 1 lần là không đúng, đề nghị được hỗ trợ mức 2.5 lần giá đất nông nghiệp.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 10% giá đất là không đúng. Đề nghị được hỗ trợ bằng 100% giá đất cùng loại.

5. Được bồi thường thiệt hại do việc ngừng sản xuất của các lô đất trong năm 2011 đã được phê duyệt đo đạc, kiểm đếm nhưng đến năm 2016 không được Nhà nước thu hồi.

Ngày 01/10/2019, Chủ tịch UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 1917/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông K (lần 1), quyết định: Thừa nhận nội dung khiếu nại số 5 về việc không được bồi thường do ngừng sản xuất của các lô đất trong năm 2011 đã được phê duyệt đo đạc, kiểm đếm nhưng đến năm 2016 không được Nhà nước thu hồi; Riêng nội dung khiếu nại thứ nhất, việc ký kết hợp đồng giao khoán giữa NT 2/9 và các hộ nhận khoán là hợp đồng dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính. Không chấp nhận các nội dung khiếu nại 1, 2, 3, 4. Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại, ông Trần Văn K tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình.

Ngày 31/3/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số 685/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn K (lần 2). Quyết định: Không thừa nhận nội dung khiếu nại số 2,3,4, chấp nhận nội dung khiếu nại số 5; Đối với nội dung khiếu nại thứ nhất: Đề nghị hộ ông K có đơn khởi kiện ra Tòa án để được giải quyết theo quy định. Giao UBND huyện T2 chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu trình UBND tỉnh xác định, lập phương án bổ sung kinh phí, chi trả tiền hỗ trợ ngừng sản xuất từ năm 2012 - 2016 đối với 11 hộ không thu hồi đất và đã được thông báo thu hồi đất năm 2011.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, ngày 02/10/2020 ông K có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân

tỉnh Hoà Bình, đề nghị hủy Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T2, yêu cầu áp giá cây na là 43.000đ/1 cây như mức giá năm 2014; chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 2,5 lần giá đất nông nghiệp; chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp như đã công bố năm 2014.

Ngày 04/5/2021, ông có đơn bổ sung đơn khởi kiện, nội dung bổ sung: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 685/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, đề nghị đưa Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện.

2. Người bị kiện trình bày:

2.1. UBND huyện T2 và Chủ tịch UBND huyện T2: Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, cho rằng:

- Đối với khiếu nại về việc đề nghị được bồi thường thiệt hại do Công ty TNHH MTV NT 2/9 vi phạm hợp đồng, đề nghị được đền bù thời gian còn lại về đất khi nhà nước thu hồi đất khoán:

Căn cứ vào các hợp đồng giao khoán thì Công ty TNHH MTV 2/9 không vi phạm hợp đồng đã ký. Việc ký hợp đồng giao khoán này là quan hệ dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính, không có cơ sở xem xét giải quyết.

- Về yêu cầu áp giá cây na là 43.000đ/1 cây như mức giá năm 2014:

Tại biểu tổng hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (Đợt 4-khu đất 77ha) diện tích đất gia đình ông Trần Văn K bị thu hồi là 9.430,4m²; tài sản bị thu hồi trên đất có một số cây trồng và 2.348 cây na dai mới trồng. Thực tế cây na dai của các hộ dân có kích thước nhỏ, độ cao trung bình 0,2m đến 1m, thân cây nhỏ (đường kính từ 0,5cm - 1cm); chưa đến giai đoạn trưởng thành; chưa cho thu hoạch; mật độ không đảm bảo theo hướng dẫn tại Công văn số 1088/SNN-BVTV ngày 15/9/2015 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và đa phần là trồng xen dưới cây khác, nên Hội đồng bồi thường đã áp dụng đơn giá đối với cây na dai mới trồng dưới 1 năm theo đơn giá cây na dai trong vườn ươm: 5.000 đồng/cây được quy định tại Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình. Việc thay đổi giá cây Na là do UBND tỉnh thay đổi và điều chỉnh giá cho phù hợp với chuyển biến của tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Hoà Bình. Do đó khiếu nại yêu cầu áp giá cây na là 43.000đ/1 cây là không có căn cứ.

- Về mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp như đã công bố năm 2014:

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, ngày 25/9/2014, UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Tại khoản 1 Điều 16 Quyết định 24/2014/QĐ-UBND quy định mức hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề là 2,5 lần giá đất nông nghiệp.

Ngày 12/5/2016, UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND về việc sửa đổi khoản 3, Điều 15; khoản 1 Điều 16 của Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014. Sửa từ “được bồi thường 2,5” xuống còn “được bồi thường bằng 01 lần giá đất nông nghiệp”. Việc yêu cầu bồi thường bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp là không có căn cứ.

- Về yêu cầu mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp (hệ số 1) như đã công bố năm 2014:

Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hoà Bình quy định mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp nhưng ngày 12/5/2016 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND, sửa đổi khoản 3 Điều 15, Khoản 1 Điều 16 Quyết định số 24 ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hoà Bình quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (*có hiệu lực thi hành ngày 22/5/2016*) thì mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 10% giá đất nông nghiệp. UBND huyện áp dụng mức hỗ trợ này theo quyết định của UBND tỉnh đã ban hành, do đó không có căn cứ chấp nhận áp dụng hỗ trợ 100% giá đất nông nghiệp.

- Về yêu cầu khiếu nại việc không được bồi thường thiệt hại do việc ngừng sản xuất của các lô đất trong năm 2011 đã được phê duyệt đo đạc, kiểm đếm dự án KCN LT nhưng đến năm 2016 không được nhà nước thu hồi. Khiếu nại trên là có cơ sở, đã được xem xét và giải quyết.

Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T2 là khách quan, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, theo quy định pháp luật. Chủ tịch UBND huyện T2 giữ nguyên quan điểm.

2.2. Chủ tịch UBND tỉnh Hoà Bình và UBND tỉnh Hòa Bình có quan điểm đồng nhất với ý kiến của UBND huyện T2. Quyết định 685/QĐ-UBND

ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông Trần Văn K là khách quan, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng pháp luật.

2.3. Ý kiến trình bày của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện T2: Nhất trí với ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình và Chủ tịch UBND huyện T2, các quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện T2, UBND tỉnh Hòa Bình là khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

2.4. Ý kiến trình bày của Công ty TNHH MTV 2-9 HB tại Văn bản số 68/CV-Cty ngày 12/8/2021 và Công văn 86/CV-Cty ngày 23/8/2021: Khu công nghiệp LT tại huyện T2 được triển khai từ tháng 6/2011 trên diện tích đất do công ty quản lý, quá trình thực hiện việc thu hồi đất Công ty đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Công ty đã thực hiện bàn giao toàn bộ diện tích đất nằm trong dự án Khu công nghiệp LT theo đúng tiến độ, đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, điều 194 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K về việc yêu cầu “Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1917/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T2, tỉnh Hòa Bình và Quyết định giải quyết khiếu nại số 685/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình. Về các nội dung: Buộc UBND huyện T2 chấp nhận khiếu nại về mức áp giá cây na đã kiểm đếm năm 2011 được bồi thường với giá 43.000đ/cây. Mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp” do không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/10/2021, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Tạ Huy H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Tạ Huy H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Cụ thể đề nghị được bồi thường thiệt hại

do Công ty TNHH MTV NT 2/9 vi phạm hợp đồng đã ký ngày 20/10/2008; được đền bù thời gian còn lại về đất khi Nhà nước thu hồi, đề nghị được áp giá cây na theo thời điểm năm 2014 với giá 43.000đ/cây, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với mức 2.5 lần giá đất nông nghiệp, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất cùng loại. Được bồi thường thiệt hại do việc ngừng sản xuất của các lô đất trong năm 2011 đã được phê duyệt đo đạc, kiểm đếm nhưng đến năm 2016 không được Nhà nước thu hồi.

Ý kiến trình bày của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện T2: Hội đồng đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đồng tình với quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, Chủ tịch UBND huyện T2 và khẳng định các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T2, Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình là khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền của người bị kiện trình bày: Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K là không có căn cứ chấp nhận. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, người bị kiện đã căn cứ theo các quy định của pháp luật để giải quyết, các mức bồi thường như áp giá cây na 5.000đ/cây; hỗ trợ chuyển đổi nghề và hỗ trợ ổn định cuộc sống cho các hộ dân nói chung đều theo quyết định của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành trên cơ sở căn cứ Luật Đất đai và các nghị định và các văn bản hướng dẫn. Việc ban hành các quyết định đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà có quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng: Các đương sự; Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Trong quá trình thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ bồi thường và giải quyết khiếu nại, người bị kiện đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử, nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về đối tượng khởi kiện: Các Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T2; Quyết định 685/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Trần Văn K là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo Điều 3, Điều 30 Luật Tố tụng hành chính và ông Trần Văn K có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 115 Luật Tố tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện: Đơn khởi kiện của ông Trần Văn K gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình ngày 17/8/2020 là trong thời hạn được quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, nội dung khởi kiện của ông Trần Văn K thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện Hội đồng xét xử thấy như sau:

[2.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về việc ông Trần Văn K khiếu nại 05 nội dung như đơn khởi kiện và các lời khai đã trình bày. Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 1917/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T2, tỉnh Hòa Bình và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 685/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình thừa nhận nội dung thứ 5; nội dung thứ nhất là quan hệ dân sự (hợp đồng giao khoán), không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính. Ông K nhất trí 2 nội dung này, chỉ đề nghị xem xét việc áp giá cây na; mức hỗ trợ tìm kiếm việc làm và mức hỗ trợ ổn định đời sống.

[2.2]. Xét về giá cây na: Diện tích đất hộ ông K bị thu hồi là 9.430,4m². Theo Biên bản kiểm đếm ngày 14/9/2011 thì trên đất có các cây: 2348 cây na dai mới trồng và các loại cây nông nghiệp khác. Ông K cho rằng sau khi kiểm đếm, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đã công khai phương án bồi thường, đơn giá cây na là 30.000đ/1cây; khi thực hiện bồi thường thì giá cây na là 5.000đ/1 cây, đề nghị được áp giá 43.000 đồng/1 cây.

Theo tài liệu có trong hồ sơ và ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện tại phiên tòa thì năm 2011, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng công khai phương án bồi thường về tài sản theo Quyết định số 19/2011/QĐ-UBND ngày 19/9/2011, xác định giá cây na trồng dưới 1 năm là 30.000đ/cây. Tuy nhiên, sau đó, Quyết định số 25/2014/QĐ-

UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình đã thay thế Quyết định 19/2011/QĐ-UBND. Và tại Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh đã bổ sung vào phụ lục nhóm cây ăn quả, quy định cây trong vườn ươm; cây na dai 5.000đ/cây.

Thực tế, cây na của các hộ đều là cây mới trồng, trồng xen với các cây khác, kích thước nhỏ, độ cao trung bình từ 0,2 đến 01m, đường kính từ 0,5cm đến 01cm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình cũng đã gửi văn bản đề nghị Cục trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn giải thích rõ hơn về quy định cây na trong vườn ươm. Tại Văn bản số 51/VRQ-CAQ ngày 22/6/2021 của Viện rau quả giải thích: Thông thường cây từ 10 - 12 tháng có kích thước đường kính từ 0,5 đến 0,8cm; chiều cao từ 35 đến 45cm. Như vậy việc UBND tỉnh Hòa Bình áp giá cây na mới trồng 5.000đ/cây là có căn cứ, do đó không có cơ sở chấp nhận giá 43.000đ/cây như yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K.

[2.3]. Xét về mức hỗ trợ:

Theo dẫn chiếu tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: Mức hỗ trợ cụ thể do UBND cấp tỉnh quy định căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương.

Tại khoản 3 Điều 15 Quyết định 24/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình quy định mức hỗ trợ ổn định đời sống là 100%; điểm b khoản 1 Điều 16 Quyết định nêu trên quy định mức hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề là 2,5 lần giá đất nông nghiệp.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định 16/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình đã sửa đổi khoản 3 Điều 15; khoản 1 Điều 16 của Quyết định 24/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề bằng 01 lần giá đất nông nghiệp, hỗ trợ ổn định đời sống bằng 10% giá đất nông nghiệp.

Việc thay đổi mức hỗ trợ này thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, được áp dụng trong toàn tỉnh, căn cứ vào điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Hội đồng bồi thường và hỗ trợ tái định cư dự án khu công nghiệp LT, huyện T2 áp dụng các quyết định nêu trên để hỗ trợ cho các hộ dân bị thu hồi đất là đúng pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện này của ông Trần Văn K không có căn cứ chấp nhận.

[2.4]. Xét các Quyết định số 1917/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện T2, tỉnh Hòa Bình và Quyết định số 685/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, đối với khiếu nại của ông Trần Văn K được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền, do vậy không có căn cứ để hủy các quyết định nêu trên.

[2.5]. Xét các quyết định hành chính có liên quan:

Đối với Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND huyện T2 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng: dự án Xây dựng Khu công nghiệp LT (khu đất 77,4ha) đã được UBND tỉnh Hòa Bình ủy quyền tại điểm b, khoản 3 Điều 29 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình), do đó UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất là đúng thẩm quyền.

- Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND huyện T2 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 4) dự án: dự án Xây dựng Khu công nghiệp LT (khu đất 77,4ha).

- Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc ban hành bộ đơn giá bồi thường đối với tài sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình sửa đổi khoản 3 Điều 15, khoản 1 Điều 16 của Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014.

- Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc bổ sung vào mục IV nhóm cây ăn quả tại phụ lục IV đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014.

- Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 02/6/2015 của UBND tỉnh Hòa Bình sửa đổi Điều 29 của Quyết định số 24 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Xét thấy các Quyết định trên được UBND tỉnh Hòa Bình; UBND huyện T2, tỉnh Hòa Bình ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng theo quy định của pháp luật.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện T2, tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1917/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 685/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình không thừa nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Văn K về việc yêu cầu được áp giá cây na theo thời điểm năm 2014 với giá 43.000đ/cây, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với mức 2,5 lần giá đất nông nghiệp, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất cùng loại là đúng quy định của pháp luật. Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K.

Những phân tích và nhận định trên của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[2.6]. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện cũng không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Huy H là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Trần Văn K.

[2.7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Trần Văn K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 và Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Tạ Huy H là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Trần Văn K; Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

2. Về án phí: Ông Trần Văn K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000983 ngày 12/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THA dân sự tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng